



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	14149248	Ngô Diễm	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	2	8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
2	14149249	Lê Thị Thanh	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		6.5	6.8	0012345678910	0123456789
3	14149250	Dương Thị Hiệp	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		6.5	6.8	0012345678910	0123456789
4	14149252	Lê Hoài	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.0		6.0	6.6	0012345678910	0123456789
5	14149255	Phan Thành	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.0		7.5	7.7	0012345678910	0123456789
6	14149256	Đặng Thị Công	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		6.5	6.8	0012345678910	0123456789
7	14149260	Nguyễn Thị Tâm	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.5		7.5	7.8	0012345678910	0123456789
8	14149261	Huỳnh Lê Hồng	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		6.5	6.8	0012345678910	0123456789
9	14149262	Hồ Thị Chung	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		5.0	5.8	0012345678910	0123456789
10	14149263	Nguyễn Văn	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		5.0	5.8	0012345678910	0123456789
11	14149265	Thái Thị Thủy	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		6.0	6.5	0012345678910	0123456789
12	14149343	Nguyễn Văn Việt	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.0		6.5	6.7	0012345678910	0123456789
13	14149344	Phạm Đăng	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		5.5	6.1	0012345678910	0123456789
14	14149345	Lê Thị Bảo	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.5		7.0	7.5	0012345678910	0123456789
15	14149346	Phạm Minh	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	9.0		5.0	6.2	0012345678910	0123456789
16	14149348	Lê Khương	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.0		5.5	6.3	0012345678910	0123456789
17	14149350	Tôn Lương Bích	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	7.5		7.0	7.2	0012345678910	0123456789
18	14149353	Nguyễn Trường	DH14QMNT	<i>[Signature]</i>	1	8.0		7.5	7.7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	14149354	Trương Thị Kiến	Giang	DH14QMNT	<i>Nguyen</i>	1	8.5	6.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
20	14149355	Lê Thanh	Hai	DH14QMNT	<i>Thanh</i>	1	7.0	6.5	6.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	14149356	Huỳnh Thu	Hằng	DH14QMNT	<i>Huong</i>	1	7.0	6.0	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	14149359	Võ Huy	Hoàng	DH14QMNT	<i>Huy</i>	1	7.0	6.0	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	14149360	Lê Anh	Hộ	DH14QMNT	<i>Anh</i>	1	8.0	6.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
24	14149362	Trần Thị Xuân	Hương	DH14QMNT	<i>Xuan</i>	1	8.0	6.5	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	14149363	Huỳnh Lê	Khanh	DH14QMNT	<i>Huy</i>	1	8.5	7.0	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	14149364	Phan Thái	Khanh	DH14QMNT	<i>Phan</i>	2	8.0	7.0	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	14149365	Thông Kim	Khánh	DH14QMNT	<i>Kim</i>	1	8.0	5.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	14149366	Trần Anh	Khoa	DH14QMNT	<i>Anh</i>	1	8.0	7.5	7.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
29	14149367	Lê Thị Kim	Khuyến	DH14QMNT	<i>Kim</i>	1	8.0	5.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	14149369	Nguyễn Thị Kim	Lành	DH14QMNT	<i>Kim</i>	1	8.0	5.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	14149373	Nguyễn Văn	Minh	DH14QMNT	<i>Minh</i>	1	7.5	4.0	5.1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	14149374	Nguyễn Văn	Minh	DH14QMNT	<i>Minh</i>	1	7.5	6.5	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
33	14149377	Võ Ngọc Phương	Nam	DH14QMNT	<i>Phuong</i>	1	9.0	6.0	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	14149378	Trần Thị Minh	Nga	DH14QMNT	<i>Minh</i>	1	7.5	6.0	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	14149379	Lê Thị Thu	Ngân	DH14QMNT	<i>Thu</i>	1	8.5	7.0	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	14149380	Trần Thị Tuyết	Ngân	DH14QMNT	<i>Tuyet</i>	1	8.5	7.0	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 03059

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	14149384	Đào Duy Nhấn	DH14QMNT	<i>Nhấn</i>	2	8.0		6.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
38	14149385	Đỗ Tấn Nhật	DH14QMNT	<i>Nhật</i>						○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
39	14149386	Nguyễn Quách ý	DH14QMNT	<i>ý</i>	1	7.5		7.0	7.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
40	14149387	Đặng Thị Minh	DH14QMNT	<i>Minh</i>	2	8.5		6.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
41	14149388	Trần Thị Khánh	DH14QMNT	<i>Khánh</i>	1	8.0		7.0	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
42	14149389	Ngô Triệu Phát	DH14QMNT	<i>Phát</i>	1	7.5		6.0	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
43	14149390	Phan Hiếu	DH14QMNT	<i>Hiếu</i>	1	9.0		5.0	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
44	14149392	Nguyễn Văn Phúc	DH14QMNT	<i>Phúc</i>	1	9.0		6.0	6.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
45	14149395	Đặng Đức	DH14QMNT	<i>Đức</i>	2	7.0		4.5	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
46	14149396	Nguyễn Thị Như	DH14QMNT	<i>Như</i>	2	7.0		7.5	7.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
47	14149397	Trần Phan Trúc	DH14QMNT	<i>Trúc</i>	1	7.5		6.0	6.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
48	14149398	Nguyễn Thị Sang	DH14QMNT	<i>Sang</i>	2	8.5		4.0	5.4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
49	14149404	Nguyễn Thị Phương	DH14QMNT	<i>Phương</i>	1	8.5		5.0	6.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	14149405	Phạm Thị Phương	DH14QMNT	<i>Phương</i>	1	8.5		5.0	6.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	14149407	Nguyễn Thị Thanh	DH14QMNT	<i>Thanh</i>	1	7.5		6.5	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
52	14149409	Phương ái	DH14QMNT	<i>Ái</i>	1	7.5		6.5	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
53	14149413	Trương Thị Minh	DH14QMNT	<i>Minh</i>	1	8.5		6.5	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	14149414	Lê Nguyễn Hoài	DH14QMNT	<i>Hoài</i>	1	8.5		6.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	14149415	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	DH14QMNT		2	7.0		5.5	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	14149416	Nguyễn Đăng Cao Tiến	DH14QMNT		1	8.0		6.5	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	14149417	Huỳnh Thị Nhân Tinh	DH14QMNT		1	7.5		6.5	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	14149418	Đỗ Thị Huyền Trang	DH14QMNT		1	8.0		6.0	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	14149419	Đậu Khắc Triệu	DH14QMNT		1	7.5		5.0	5.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	14149420	Trần Tố Trinh	DH14QMNT		1	8.0		6.5	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	14149421	Yăng Thị Mỹ Trinh	DH14QMNT		1	7.5		6.0	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14149424	Đào Nhất Trọng	DH14QMNT		1	9.0		6.5	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	14149425	Nguyễn Minh Trọng	DH14QMNT		1	9.0		6.0	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	14149426	Nguyễn Tiến Trung	DH14QMNT		1	8.0		7.0	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	14149427	Nguyễn Thị Bội Tuyền	DH14QMNT		1	8.0		5.5	6.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	14149428	Trần Minh Tuyền	DH14QMNT		1	7.0		7.5	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	14149429	Nguyễn Hữu Ngọc Tự	DH14QMNT		1	7.5		6.0	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	14149430	Nguyễn Phương Uyên	DH14QMNT		1	8.5		5.0	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	14149431	Phạm Thanh Uyên	DH14QMNT		1	8.0		5.0	5.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	14149432	Nguyễn Thị Bích Vân	DH14QMNT		1	8.0		5.0	5.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	14149433	Tổng Thị Hoàng Bích Vân	DH14QMNT		2	8.5		7.0	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	14149436	Nguyễn Thị Hoàng Yến	DH14QMNT		1	8.5		6.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03059



Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	14149439	Nguyễn Trần Anh Thơ	DH14QMNT		1	80		6.0	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
74	14149440	Nguyễn Thị Thúy	DH14QMNT		1	80		6.0	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: 69

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Thị Bạch Nhai

Trần Thị Hương Nguyễn

Nguyễn Thị Khanh Thảo

Trần Thị Yên Ân

Nguyễn Thị Thanh Xuân